TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỐNG

TIẾN CAO TĂNG TRUYỆN BIỂU

(Dâng Biểu về Truyện Cao Tăng)
Đoan Củng Nguyên Niên (988-989 C.N) Tháng Mười.

QUYỂN 2

1. TRUYỆN THIỆN VÔ ÚY CHÙA THÁNH THỆN Ở LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Thiện vô úy, vốn là người Trung Ấn Độ, là con cháu đời sau vua Cam Lộ Phạn, chú út của Phật Thích-ca Mâu-Ni, tên tiếng phạn của Sư là Tuất-Bà-Yết-La-Tăng-kha, Hán dịch là Tịnh sư Tử, dịch nghĩa là Thiện vô uý. Còn một tên gọi là Thâu-Ca-ba-La, tên nầy dịch là Vô úy, cũng gọi là dịch nghĩa. Trước Sư từ nước Trung Thiên Trúc.

Vì quốc nạn phân vương Ô-Đồ, nên người cha nói rằng: vua Phật Thủ thấy Úy có thần tư túc đức, cho nên lần lượt thử: mười tuổi cầm binh, mười ba tuổi nối ngôi vua, được cảm tình của quân dân, bị anh em ganh ghét, dấy binh cấu loạn, vây thành dữ dội, Uý cầm binh đánh lại, bị thương ở đầu, vua thua trận đáng lẽ bị giết, nhưng niệm tình thân tộc mà tha cho, Uý bèn gạt lệ trình bày với mẹ và các quan rằng: Về việc ân nợ đã dứt, nay muốn chừng đất nước lại cho vẹn toàn tình nghĩa, nhân đó nhường ngôi cho người anh, bản thân chỉ cầu nhập đạo, mẹ đau buồn mà buộc lòng chấp nhận. Bí mật chia cho một số châu báu của quý, Uý đi về hướng Nam, đến vùng ven biển gặp ngài Thù thắng Chiêu Đề đắc pháp Hoa tam-muội, gom cát làm tháp được một muôn ngội, bị rắn độc cắn nhằm ngón tay mà không thối chí, lại gởi thân xuống thuyền lái buôn, chu du các nước. Mật tu thiền tụng, miệng phát ra ánh sáng trắng, ba ngày không gặp gió, thuyền đi muôn dặm, Phong độ của Sư thẳng thắn sáng suốt hơn người, nghiên cứu năm thừa đạo bao gồm ba học, Tổng trì thiền Quán khéo đạt cội nguồn, kỷ năng nghệ thuật đều phải tinh luyện. Ban đầu Sư đến chùa Na-Lan-Đà, Hán dịch là thí vô yểm, như cội nguồn của tượng pháp, hội phủ của các Thánh,

Uý đem châu báu để trên trán tượng, ngày như ánh trăng, đêm sáng như mặt trời. Trong chùa có ngài Đạt-Ma-Cúc-Đa nắm chìa khóa bí mật của định môn. Mang mật ấn của Như Lai, vẻ mặt khoảng bốn mươi tuổi, sự thật là tám trăm tuổi. Ngày xưa, Tam Tạng Huyền Trang đã từng gặp qua, Uý quỳ xuống dưới chân, thờ làm Bổn sư hằng ngày hầu việc ăn uống, bên cạnh còn có một vị tăng, người Chấn đán, Uý thấy trong bát đồ ăn cơm canh vẫn còn nóng, kinh ngạc khen rằng: Nước đông cách đây hơn mười muôn dặm, làm sao mà từ bên ấy nấu chín mà mang về đến đây?

Cúc-Đa nói: Người có thể không nói mà học Chân được chăng? Sau đó, Ngài dạy cho Sư tổng trì Du-già tam mật giáo, rồng thần vây chung quang như rừng ở trước mặt, các ấn khế nhất thời đốn thụ. Ngày ấy được Quán Đỉnh, làm thầy trời người, gọi là Tam Tạng. Nghĩa của Tam Tạng, bên trong là giới định tuệ, bên ngoài là kinh luật luận, lấy Đà-la-ni làm tổng nhiếp, Đà-la-ni là pháp luân nhánh chóng đưa đến Bồ-Đề, là biển giải thoát an lành, các Đức Phật ba đời sanh ra từ pháp môn nầy. Tuệ chiếu truyền trao chỉ một ngọn đèn mà thôi, căn tính khác nhau, đèn cũng vô biên. Vì có trăm ức Đức Thích-ca vi trần tam-muội, Bồ-tát dùng lưới nhiếp chung các định. Đốn thăng thứ lớp, gần bậc Đại giác. Đây là chỉ yếu của nó.

Lúc đó, Sư du hành nơi rừng rậm, tham lễ thánh tích khắp nơi. Không ngại gian hiểm. Những nơi đã đến đều ba lần trở lại, lại đi vào núi kê túc cạo tóc cho Ca-diếp, lại được Quán Âm xoa đầu, thường kiết hạ nơi Linh Thứu có thú dữ dẫn đường đi sâu vào hang núi, trong hang sáng như ban ngày nhìn thấy tượng Phật Mâu-ni, người hầu hai bên dáng vẻ như còn sống, đang lúc nầy Trung Ấn-Độ đang gặp nạn hạn hán, thỉnh Sư cầu mưa, Sư nhìn thấy Quán Âm trong ánh mặt trời, tay cầm bình Quân trì rót nước xuống đất, trong lòng mọi người cảm nhận khoan khoái, được điều chưa từng có, lại luyện vàng như lá bối, viết kinh đại Bát-nhã, trong vàng chảy là ngôi tháp, bằng vàng với thân lượng Phật. Bà mẹ thấy Sư đi đã lâu ngày mà chẳng có tin tức gì cho là Sư đã chết, nên sớm tối đều khóc, khóc mù cả đôi mắt, đến khi có tin tức hỏi thăm thì mắt bà sáng lại như cũ. Hoàn cảnh của ngũ Thiên Trúc, kể từ sau khi Phật nhập diệt thì ngoại đạo tranh giành, Phật giáo chia năm xẻ bảy, hình thành chín mươi sáu tôn phái, lập giáo cương riêng cương với kiến giải khác nhau. Uý đều tùy sở chấp phá dính mắc, giải nghi ngờ. Mở buộc tà nơi cửa tâm, bỏ bến mê nơi đường giác, mây pháp lớn nhỏ đều thấm nhuần. Nước định vuông tròn đều vừa đựng, cờ

trống ngã về dị học, dựng cờ xí của tâm vương, làm cho họ lấy niệm chế cuồng tức là thân quán Phật.

Cúc-Đa nói rằng: Nầy, người thiện nam, ông có duyên với Chấn Đản, nay hãy đi đến đó. Sư bèn từ giã thầy mà đến nước Ca-thấp-di-la, trời sắp tối, bên bờ sông lại không có cầu. Sư đi trên hư không mà qua. Một hôm, Sư được mời đến nhà một vị Trưởng giả, chốc lát có La-hán giáng rằng: Ta là hàng Tiểu thừa, Đại đức là Bồ-tát Đăng Địa, bèn nhường cho ngồi chỗ cao. Sư tặng cho chiếc y tốt, xong bay bổng mà đi, lại đến nước Ô trường, có con chuột trắng, hằng ngày hiến cho tiền vàng, giảng Tỳ-lô nơi cung đình nước Đột-quyết, an thiền định nơi cây khả đôn, phép làm chữ vàng xếp trong hư không, bấy giờ cung nhân nước Đột-quyết dùng tay tiếp sữa, sữa có ba tia bay rót vào miệng Sư, Sư chắp tay nghiêm chỉnh nói: là mẹ ta của kiếp trước đấy, ngày xưa bị bọn cướp dùng dao chém ba nhát mà cơ thể không bị thương, người hươ kiếm chỉ nghe tiếng đồng mà thôi. Đi về phía trước là lên ao lớn của Tuyết Sơn, Sư không rành, Cúc-Đa từ trên không nói vọng xuống rằng: Thân Bồ-tát đồng với thế gian, không bỏ sống chết, người rời Tương Ninh thời gian ít lâu thì bị bịnh. Nói xong, bay thẳng lên trời, Sư khỏe ngay. Đi ngang qua nước Thổ-phiên, cùng đi với đoàn người thương buôn, người Hồ tham cướp hành hóa nên tập trung nhiều người đến bao vây, Sư âm thầm vận tâm ấn làm cho phiên hào hoảng sợ mà xin tạ tội, đến cảnh vực phía Tây Đại Đường. Ban đêm có vị thần mách rằng: Phía đông vùng nầy chưa phải là ranh giới của đệ tử, mà là Văn-thù-sư-lợi thật hộ thần châu, lễ dưới chân mà biến mất, đây cũng là Do thần Ca-tỳ-la đưa tiễn liên Mi. Sư dùng lạc đà chở kinh đến sông Thiệp Vụ ở Tây Châu, rồng làm cho sụp chân lạc đà dưới suối, Sư cũng ở dưới suối ba ngày, dừng chân tại cung rồng tuyên dương giáo hóa, khai ngộ rất đông, đến khi dắt lạc đà lên bờ, kinh chẳng bị ẩm ướt gì cả, Úy mới vượt qua xứ bắc Ấn-độ, tiếng tăm đã truyền khắp Trung quốc, Duệ Tông bèn cho Nhược-Na và tướng quân Sử Hiến ra ải ngọc môn chờ đợi. Đầu niên hiệu Khai Nguyên, vua Huyền Tông nằm mộng gặp vị chân tăng, dáng vẻ phi thường, vua tự mình vẽ trên vách cung điện, nay Sư đến khớp với việc vua nằm mộng, vui mừng vì hữu duyên, trang trí nội đạo tràng, tôn làm Giáo chủ, từ Ninh Tiết vương trở xuống đều phải quỳ dưới chiếu dâng đồ, Tân đại sĩ nơi cung trời tiếp phạn diên nơi đế tọa, lễ Quốc sư bằng đạo quảng thành, để người chủ ở thừa của Như Lai, vòi vọi pháp môn hưng thịnh như vậy. Lúc ấy, có người thuật sĩ cầm ấn khế của quỷ thần, tham dự vào phép biến hóa, được vời đến trước vua làm trò thần

dị, Sư điềm nhiên bất động mà tay chân thuật sĩ chẳng làm trò gì được. Vào năm Bính Thìn nhằm niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư bản Phạn mới đến Trường an, vua ban sắc cho để tại nam viện chùa Hưng Phước, Sư tiếp tục ở tại chùa Tây Minh, hỏi thăm trùng dặm ban cấp rất hậu, đến năm thứ năm vâng chiếu phiên dịch tại viện Bồ Đề, Sư tấu thỉnh các danh tăng cùng tham gia việc dịch giữa Hoa và phạn, mở đề dịch trước Hư không Tạng Cầu Văn Trì Pháp, một quyển, Sa-môn đều hiểu lời dịch, ngài Vô Trước ghi chép, sửa văn, vua lệnh đưa bản phạn vào cung, trước đây có Sa-môn vô Hành đến Thiên trúc học xong trở về, mới đến bắc Ấn độ không may qua đời, các bản Phạn mang về đều nằm trong chùa Hoa nghiêm ở Kinh Đô. Sư và thiền sư Nhất hạnh chọn được mấy bản và Tổng trì Diệu môn, trước đây chưa dịch. Năm thứ mười hai, Sư theo vua đến Lạc Dương, lại vâng chiếu dịch kinh Đại Tỳ-lô-giá-na tại chùa Phước Tiên, kinh ấy có đủ tiếng Phạn gồm có mười muôn bài tụng, Sư nắm những chỗ quan trọng mà dịch ra, gọi là kinh Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia trì, bảy quyển, Sa-môn Bảo Nguyệt dịch ngữ, Nhất Hạnh ghi chép, trau chuốt lời văn, văn chất sáng sủa, khéo hài hòa thú sâu xa, trên phù hợp với ý Phật, lại soạn ra kinh Tồ-Bà-Hô Đồng tử, ba quyển, kinh Tô-tất-Địa-Yết-La ba quyển, hai kinh trên đều chứa đủ lời chú của Tỳ-nại-da, tức là bí mật cấm giới, nếu ai chưa từng nhập vào Mạn-đồ-la thì không được đọc tụng nghe giới luật, giống như người chưa thọ giới cụ túc mà nghe trộm giới luật, cho nên dịch ra hư không tạng Bồ-tát Năng Mãn Chư Nguyện Tối Thắng Tâm Đà-la-ni cầu Văn trì pháp, một quyển, là lược dịch lượt dịch một phần nhỏ của Kim Cương Đảnh phạn bản kinh Thành Tựu nhất Thiết Nghĩa Đồ. Tánh Sư thích giản dị tịnh lự để dưỡng thần, thường khai thiền quan khuyến khích khích người mới học, rằng người vâng theo oai nghi hình thức như trải hoa sen nơi nhãn giới, người nào bẩm thọ ngôn thuyết thì cho đó là cam lộ thấm nhuần ruộng tâm, người cảm thấy sáng ngời, pháp lữ (bạn đồng đạo) xin yết kiến, chỉ tôn thờ trưởng lão Bảo tư Duy Tam tạng mà thôi. Ngoài ra đều thực hành theo lễ của môn nhân. Thiền sư Nhất Hạnh là người Đế Vương tôn trọng, các bậc Hiền đương thời quy về, ngoài định tuệ, diệu phép của âm dương còn có những việc còn chưa quyết định được, cũng thường hay đến thưa hỏi ý kiến rồi mới thực hành, Sư từng ở tại viện nầy đúc đồng làm tháp, tự tay làm thành khuôn mẫu, khéo hơn trời người, tăng chúng trong chùa đem đồ mấu luyện đến sân rộng đề phòng hỏa hoạn, Sư cười nói: Các thầy lo chi cho nhọc lòng, ngày đúc tiền quả nhiên tuyết rơi mịt trời, khói lên đều thành hoa tuyết

rơi xuống, mọi người đều thán phục.

Mùa hè đang hạn hán. Vua sai trung quan cao lực sĩ mau đến vời Sư cầu mưa. Sư nói: Số hạn nầy là đương nhiên, nếu cố gọi rồng làm mưa e sẽ gây tổn hại không nên làm.

Vua gương điệu rằng: Người khổ vì bệnh nóng, dù mưa gió sấm sét cũng vừa lòng.

Từ chối không được, bộ phận chuyên trách cũng đã chuẩn bị sẵn đồ dùng, Sư cười nói: Những đồ nầy không đủ để làm mưa đâu, hãy vứt bỏ đi, bèn lấy một diệm nước, dùng cái dao con để quậy nước, tụng phạn chú mấy trăm câu, khoảnh khắc có con vật giống như rồng, lớn như ngón tay, ngóc đầu lên mặt nước rồi lại phục xuống dưới đáy diệm, Uý vừa quậy nước vừa niệm chú, chốc lát có luồng hơi trắng từ trong diệm bật lên mấy thước, từ từ kéo đi, Uý báo với Cao lực sĩ rằng: Hãy mau chay đi, mưa sẽ đến. Lực sĩ chạy ra nhìn thấy luồng khí ấy xoáy vòng từ giảng đường đi về hướng Tây, như xấp lụa trắng dâng lên bầu trời, kế đến là mầu trời biến thành đen sậm, gió to sấm lớn. Lực sĩ mới về đến cầu Thiên Tân. Mưa gió theo chân ngựa ập đến, cây cối dọc đường đều bị quật ngã. Lực sĩ áo mão bị ướt lã vào tâu, Vua cúi đầu đón rước Sư, hai ba lần cảm ơn. Hôm sau, ở Manh có con rắn to, Sư nhìn mà than rằng: Sắp tràn ngập thành Lạc Dương đấy, bèn niệm phạn chú vài trăm câu, vài ngày sau rắn chết, đó là điềm An Lộc Sơn đánh chiếm Lạc Dương.

Có thuyết nói rằng, Sư từng ở trong phòng của luật sư Đạo Tuyên nơi chùa Tây Minh, hiện ra tướng thô. Đạo Tuyên chê là thấp hèn đồ tồi đến nửa đêm Tuyên bắt vò chết con rệp bỏ dưới đất, Sư liền hô lên: "Luật sư làm chết Phật tử rồi" Tuyên mới biết đó là Đại Bồ-tát. Sáng sớm hôm sau, vén y làm lễ. Vào năm thứ hai mươi, Sư cầu xin trở về Tây vực, được tin chiếu giữ lại, ba năm sau nhằm ngày mồng 7 tháng 10, Sư nằm nghiêng bên hông phải, an nhiên qua đời, thọ chín chín tuổi, tám mươi tăng lạp, được truy tặng Hồng Lô Khanh. Vua sai Hồng Lư thừa Lý Hiện giúp đỡ việc an táng Tân luật sư. Năm năm sau nhằm ngày mồng 3 tháng 10 an táng tại đình chùa Quảng Hoá thuộc Long môn, thi thể được hong khô cho không bị hư hoại để bảo tồn, ngày hội táng khắp kinh đô đều rơi lệ buồn tẻ, sông núi đổi mầu, đệ tử tăng tục như: thiền sư Bảo Uý, thiền sư Minh Uý, Vinh Dương Trịnh thị, Lang Da vương thị, thương xót như mất bậc cha mẹ, thiền sư Nhị Khắc kệ, các thiện tín làm nhà thờ, đệ tử còn cất nhà nhỏ bên mộ, nhìn thấy di hài từ từ bị rút nhỏ, xương lộ ra ngoài da, mỗi năm giữ hai mùa khô ẩm, cầu

thỉnh tu chỉnh, mỗi lần đều tắm gội bằng nước thơm dùng lụa gấm bao bọc lại cho nằm yên. Mỗi khi làm lễ cầu siêu triều đình đều cử sứ thần đến cung thí, xứng với tấm lòng thương mến của mọi người.

2. TRUYỆN TRÍ TUỆ Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Trí Tuệ, tiếng Phạn là Bát-thích-nhã, họ Kiều Đáp Ma, người nước Ca-tất-thí thuộc Bắc Thiên Trúc, thiên tư thông minh hơn người, bảy tuổi phát tâm lập ý, xa lìa cha mẹ, quy y Tam Bảo, theo Đại đức Điều Phục quân, dạy tụng bốn A-hàm, đủ, mười muôn bài tụng, A-tỳ-đạt-ma ba muôn bài tụng, đúng tuổi ứng pháp thọ giới cụ túc. Theo thầy du hành nước ngoài, học Tát-Bà-Đa gần bốn muôn bài tụng, Câu-Xá hai muôn tám ngàn bài tụng. Lại tụng Đại Bà-Sa, thông cả nghĩa lý, bảy năm ở đó chuyên học về Tiểu thừa, sau đến chùa Na-Lạn-Đà ở trung Thiên Trúc, học các luận như Đại Thừa Duy Thức Du-già. Trung biên v.v... Kinh Kim Cương Bát-nhã, Nhân Minh, Thanh Minh, Y Minh, Vương Luật luận, v.v... đồng thời nương ba vị Đại Luận Thừa Trí Hộ, Tiến Hữu, Trí Hữu du hành đến tám ngôi tháp trong Kinh Song Lâm, qua lại chiêm lễ trong mười tám năm. Nghe nam và bắc Thiên Trúc rất chuộng tu hành, bèn đến thăm viếng, bên ấy có vị sư Quán Đảnh tên Đạt-Ma-Da-Xá. Nhìn thấyTuệ siêng năng thận trọng dễ thương, bèn truyền Du-già pháp nhập Mạn-Đồ-La-Tam Mật hộ thân Ngũ Bộ Ấn khế kinh. Trong một năm thuộc lòng ba ngàn năm trăm bài tụng. Tuệ thường hay nghe rằng: Trung Hoa đại quốc có Văn-thù ở đó, nênquyết lòng đi về phương Đông thệ truyền Phật giáo, bèn đi thuyền vượt biển định đến Quảng Châu nhưng bị gió thổi tấp vào phía Đông nước Sư tử. Lại gom góp vốn liếng sửa chữa thuyền bè đến các nước trong vùng Nam Hải. Đến gần Phan Ngung thuộc tỉnh Quảng Đông Trung Quốc, lại gặp sóng to gió lớn ập tới thuyền bị bể hỏng, người thì chìm mất, chỉ có một mình Trí Tuệ sống sót, đêm đến canh năm sóng gió mới dừng, kinh điển mang theo không biết ở nơi nào, đến khi lên bờ, thì những kẹp sách đó đã ở trên bờ rồi, nằm trong một thùng tre lớn, do sóng biển trôi dạt lên, dường như có quỷ thần mang đến vậy, bèn than rằng: Các kinh Đại thừa lý thú nầy tưởng người Trung hoa căn cơ thuần thục: theo hướng đông bắc đi khỏang nửa tháng đến Quảng châu, tức những năm đầu niên hiệu Kiến Trung đời vua Đức Tông, vua còn lánh nạn ở Phụng Thiên. Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2, Sư mới lên đường đến kinh thành, gặp người cùng quê là Thần Sách, Quân Chánh, Tương La

có tâm tốt, tức con của người cậu, vui buồn an ủi lẫn nhau, dẫn về nhà giữ lại cúng dường. Đến năm thứ tám mới dâng biểu tấu trình lên nhà vua, Sư được đề cử làm phiên dịch truyện, có sắc lệnh các Đại đức các chùa trong kinh thành có danh nghiệp khác chúng cũng đồng dịch, được Tam Tạng Bát-nhã người nước Kế-tấn giải thích bản Phạn. Các sư Sa-môn chùa Quang Trạch ở Đãi Thiếu thuộc Hàn Lâm là những vị ăn nói lanh lợi, Sa-môn Viên Chiếu chùa Tây Minh ghi chép, ngài Đạo Dịch chùa Tư Thánh, ngài Lương Tú chùa Tây Minh, ngài Ứng Chân chùa Trang Nghiêm, ngài Siêu Ngộ chùa Lễ Tuyền, Đạo Ngạn Biện Không cùng bổ sung chứng nghĩa. Ngày mồng 8 tháng 6, muốn lập kinh đề, sai hữu nhai công đức sứ, là Vương Hi Thiên và hữu thần sách quân, Đại tướng quân Vương Mạnh thiệp, Tiêu Kỵ đại tướng quân Mã Hữu Lân, v.v... đưa kinh Phạn ra khỏi cung, chở bằng xe ngựa xe cùng với uy nghi nhạc bộ. Dọc đường thiện nam, tín nữ ra xem thật là rầm rộ nhất thời, rước về chùa Tây Minh phiên dịch. Nhân đây tặng một ngàn quan tiền, ba mươi cân trà, một hộp lớn nhang, bổ sung trong chùa để sử dụng. Đặt tên là Kinh Đại Thừa Lý Thú và Kinh Lục Ba-Ba-Mật-Đa, thành mười quyển. Lại có Trưởng giả Hoa Nghiêm hỏi về kinh Phật Na-La-Diên Lực và Bát-nhã tâm kinh, đều một quyển, vào niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tám là dịch xong, tháng mười cùng năm ghi chép hoàn tất. Ngày 28 tháng 10 có xe hoa uy nghi chào đón, dẫn vào Quang Thuận Môn, Vua xem xong vui vẻ hoi thăm ân cần, sai thần sách quân ban thức ăn, Vua đích thân tặng Trí Tuệ năm trăm xấp lụa, một bộ y phục mùa đông, ngoài ra mỗi vị đều có ban thưởng riêng, Tuệ dâng biểu tạ ơn, đáp lại lòng ưu ái của nhà vua, cùng ngày ấy, xin dịch kinh. Công thần khai phủ Nghi đồng Tam Tự hiệu đính. Thái tử xét việc, La Hảo Tâm dâng biểu rằng: "Em của thần là Sa-môn Bát-thích-nhã trước đây có dây kinh Đại thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật bản Phạn. Ngày 19 tháng 4 năm nay kính vâng sắc ban lệnh cho. Vương Hy Thiên chọn nhân sự có đạo hạnh phiên dịch tại chùa Tây Minh, nay đã kết thúc, cùng đưa đến Quang Thuận môn dâng lên, đáp chiếu rằng: Em của khanh sớm ngộ Đại thừa, từ phương Tây xa xôi xin đến Thượng quốc, giảng nói nghĩa sâu xa của sáu Căn, diễn vi ngôn của Song thọ. Niệm lấy chân thành mà kính trọng. Nay lệnh cho lưu hành những bộ kinh đã dịch, khanh vốn có lòng trung thành, siêng năng về chức trách, xem qua biểu sớ lòng ta rất tri ân. Hảo tâm giải vây của Châu Ty rất có chiến công, được vua sủng trọng. Trí tuệ có tâm tốt dẫn dắt, công việc phiên dịch sáng tỏ, vua viết bài tựa ở đầu kinh. Tuệ về sau mất ở Lạc Dương, an táng nơi gò

phía Tây Long môn, tháp kỷ niệm nay vẫn còn.

3. TRUYỆN HUYỀN GIÁC CHÙA NGỌC HOA ĐỜI ĐƯỜNG.

Thích Huyền Giác, người nước Cao Xương, thích học Đại thừa, theo Tam Tạng Huyền Trang, nghiên cứu kính luận, cũng cùng ở cung Ngọc Hoa tham dự phiên dịch, và có thành tựu về Kinh Đại Bát-nhã cùng được mời dịch Kinh Bửu Tích, Huyền Trang từ chối vì mệt mỏi, Huyền Giác mộng thấy một ngôi tháp trang nghiêm, cao lớn đột nhiên sụp đổ, giật mình thức dậy nói với Huyền Trang, Trang nói: "Không thuộc việc của người, đây là triệu chứng ta sắp diệt rồi". Giác rất đau buồn, khuyên các bạn tu hành cùng thỉnh cầu, dùng thuốc chữa trị. Giác sau đó cũng diệt nối theo.

4. TRUYỆN ĐẠO NHÂN CHÙA ĐA BẢO Ở ÍCH CHÂU ĐỜI ĐƯỜNG: (Tung Công Bảo Tiêm).

Thích Đạo Nhân, họ Hầu, người ở Bộc Dương, gia đình có cuộc sống hạnh phúc, rượu thịt đầy đủ, người ăn học cũng chẳng kém, nhân lúc mới chào đời trắng trẻo ngộ nghĩnh. Tuổi còn bé thiên tư đặc biệt rất cao, có tiết nghĩa hiếu ái, phong cách từ thuận, tâm nhân từ cùng cực. Năm bảy tuổi, vì mất mẹ mà trong lòng đau khổ đến tột cùng, không ăn không uống, mất mạng. Thể hiện ra đức tính của người lớn, được mọi người thán phục. Sau khi mãn tang, nghĩ sẽ báo ân đến cùng, nên quyết lòng xuất gia không ai ngăn cản được. Bèn đến chùa Linh Nghiêm theo thầy tụng tập, chưa đầy mười ngày đã thông kinh Niết-bàn hai pho, mọi người đều kinh ngạc. Cho là thần đồng, sau khi xuống tóc, trau dồi đức hạnh, nắm được nghĩa lý, hễ giảng Niết-bàn già trẻ hay kẻ có tiếng tăm đều thán phục. Được thăng thượng phẩm chuyển qua học luật nghi, lại được pháp sư Tung ở Bành Thành truyền cho Nhiếp Đại thừa. Đức hạnh Tung Công cao đẹp, danh thơm tỏa khắp mọi nơi, môn đồ từ khắp nơi lũ lượt kéo đến, phòng giảng vừa biến thành nhà ăn, rất ồn ào chật hẹp, bèn chia theo môn giới mà giảng, Sa-môn tuổi trẻ cho học luật, biết luật tứ phân mới, cho vào dự thính. Nhân tuổi tuy còn nhỏ, nhưng đã hơn hẳn mọi người, nên Sư được đề cử làm kiến tập, mỗi khi bổ sung Nhiếp Luận, thầy đều cho ra giảng đàn. Sau nầy đến ở ẩn tại Thái Nhạc. Đọc kinh suốt bốn năm, bèn chuẩn bị đi Lạc Dương, dự tính theo Lý Lăng di, nhưng vì pháp cương quá nghiêm nhặt, tăng không được mang theo đồ đệ, không cho dạo chơi ngoài chùa. Vì vậy mà dời chùa ra núi, đi lang thang một mình, vừa đi vừa Tịnh niệm Quán Âm, trong chốt lát có một

vị tăng đi đến, râu tóc bạc phơ, mời cùng đi, đến nơi đường phố bằng đất vàng, ngẩng nhìn lên chẳng biết nơi nào, chẳng bao lâu do tránh nạn Tam Thục nên ở chùa Đa Bảo, có người biết tiếng, mời Sư giảng Nhiếp Luận Duy Na, người nghe có trên một ngàn, lúc ấy có pháp sư Bửu Xiêm, người ở Đông Hải, dạy nghề rất giỏi, lại giỏi về Đại thừa, trong đời đã có danh tiếng, nay Xiêm Công đi tới đi lui ngạo mạn trong đám đông, nhìn mà phát sợ. Mỗi khi đi ngang giảng đàn, nghiêm túc xổ ra vài lời, nhân biện bác như sấm nổ thật hay vô cùng.

Quan tổng quản Ích Châu là Đặng Quốc Công Đậu Tiến hành Đài tả bộc xạ, Thế Quốc Công Đậu quỹ Trường sử, thân Quốc Công Sỉ Liêm, Phạn Dương Công Lư Thừa Khánh và và đầu liêu ngục mục Tây nam, cùng với các nhân sĩ nổi tiếng, cùng lập danh sách cung thỉnh rằng: "Bành Môn sơn tự là nơi tập đạo an cư, vì bị bỏ phế nên điêu tàn. Nhân xúc động nên xây dựng lại, chăm chỉ tu chỉnh chưa đầy một năm đã biến thành tịnh trường đông đảo, lại lấy chín bộ vi ngôn, ba cõi kính ngưỡng, xong sẽ dự tính che cung rồng, bèn ở bên sườn núi phía Bắc chùa Khắc kinh điển cùng Đa-la Chính Văn của Tỳ-ni, dù cho hồng thủy tượng lăng đời vua Nghiêu, mặc cho Triệu giản canh giữ vùng Bắc sơn nầy, chắc sẽ không có gì đáng ngại. Không ngờ ở nơi xa xôi hiểm trở nầy mà được vua triệu về. Dừng chân tại chùa Đại từ Ân cùng với pháp sư Huyền Trang đảm nhiệm công việc phiên dịch, hiệu đính bản Phạn, kiêm bổ sung chứng nghĩa. Được ngài Huyền Trang tán thưởng, mỗi khi gặp văn khó thì cùng trao đổi với nhau. Những phần kinh mới dịch được nhờ đó góp sức rất nhiều. Tự chủ chùa Tuệ Nhật là pháp sư Khải lần đầu tiên tổ chức cuộc giảng nghĩa về huyền bí cao thâm, do Đạo Nhân đảm nhiệm. Các giới tăng tục trong kinh thành đều đến thưa hỏi. Nhân vui vẻ mà giải đáp. Nhân còn nghiên cứu mấy bộ sách sử, rất thích về lão Trang, rút lấy những tinh hoa, tứ luật bắt đầu ở phong luật, văn tự tổng hợp vào ngũ thanh, cho nên giảng huấn nội ngoại đều thông, những chuyên nghiệp là Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Duy-Na, Pháp Hoa, Lăng-già v.v... Thập Địa, Địa Trì, Tỳ-Đàm, Trí Độ, Nhiếp Đại thừa. Đối với pháp như luận Phật Địa và luật Tứ phân, còn Nhiếp luận, Duy-Na vẫn ghi trong chương sớ. Vậy là có khả năng xong việc.

Sư thị hiện bị bệnh, qua đời tại chùa Tuệ Nhật ở Trường an, nhằm ngày 11 tháng 3, niên hiệu Hiển Khánh năm thứ ba, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Tháng giêng năm sau chuyển thần tọa về Ích Châu. Ngày mồng 8 tháng 2 an táng tại chùa Quang Hóa, cạnh bên Thạch Kinh. Đạo tục đưa tang có đến mấy ngàn người, đệ tử Huyền ngưng thờ phụng

hương hỏa, Long sóc Trung Đài Ty phiên đại phu. Lý Nghiểm soạn văn bia, Âu Dương viết chữ.

5. TRUYỆN TRÍ HIỀN NƯỚC BA LĂNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Nhã Na-Bạt-Đà-La, Hán dịch là Trí Hiền, người nước Ba-Lăng ở nam hải, giỏi về Tam tạng học. Giữa niên hiệu Lân Đức có Sa-môn Hội Ninh ở thành Đô, muốn đến Thiên Trúc thăm viếng thánh tích. Đi bằng thuyền về phía Tây, trên đường phải đi qua nước Ba-Lăng, bèn cùng với Trí Hiền dịch kinh Niết-bàn phần sau, hai quyển. Đây là dịch ra từ trong kinh A-cấp-na, nói về các việc như Thế Tôn đốt quan tài thu Thiết-Lợi-Na v.v... So với Đại Niết-bàn hoàn toàn không ăn khớp với nhau, dịch xong gởi kinh đến Giao Châu, Tây vực của Ninh phương. Đến những năm đầu niên hiệu Nghi Phụng, Đô đốc Giao Châu là Lương Nan Địch sai sứ là Đồng Hội Ninh cùng với đệ tử là Vận kỳ dâng biểu đem kinh vào kinh. Năm Mậu Dần nhằm niên hiệu thứ 3, Sa-môn Linh Hội chùa Đại Từ Ân, ở đông cung xin được ban hành, Vận kỳ vâng lời thầy dạy, vì không được hài lòng nên thầy cho lệnh mang kinh đi hành hóa nên không rảnh thân mà theo thầy đến Tây vực.

6. TRUYỆN NGÀI GIÁC CỨU CHÙA BẠCH MÃ Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Phật-Đà-Đa-La, Hán dịch là Giác cứu, người nước Kế-tân thuộc Bắc Thiên Trúc. Sư mang kinh đến thệ giáo hóa người dân Trung Hoa. Dừng tại chùa Bạch Mã ở thành Lạc Dương, dịch kinh Đại phương Quảng Viên Giác liễu nghĩa. Kinh này dịch không ghi ở năm nào, mà Long Đạo vì nhớ việc nên hoài chân giả vọng. Nếu biết rõ thời gian năm tháng thì y cứ vào hành tích chớ nghiên cứu nắm lấy chung cuộc. Vào niên hiệu Đại Hòa, ngài Khuê Phong Tông mật soạn sớ giải thích bản kinh một quyển, sau nầy chia ra làm hai quyển, thành bộ, kế tiếp lại soạn sao giải thích chỗ sâu xa nay Đông kinh, Thái nguyên và Tam Thục thịnh hành diễn giảng kinh nầy.

7. TRUYỆN PHẬT-ĐÀ-BA-LỢI Ở NÚI NGŨ ĐÀI ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Phật-Đà-Ba-Lợi, Hán dịch là Giác Hộ, người nước Kế-tân thuộc bắc Ấn-Độ, quên thân mà theo đạo, xem qua linh tích khắp nơi, nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngự ở tại núi Thanh Lương, cho nên không ngại đường xá xa xôi mà tìm đến kính lễ. Vào niên hiệu Thiên Hoàng Nghi Phụng năm đầu, Sư chống gậy đến Ngũ Đài chân thành lễ bái,

khóc như mưa rơi, cầu mong được gặp thánh dung, bỗng chót thấy một cụ già từ trong núi đi ra, nói tiếng Ba-La-môn hỏi Ba-Lợi rằng: Sư từ đâu đến?

Ba-Lợi nói: Nghe Văn-thù Đại sĩ ẩn tích tại núi nầy, tôi từ Ấn Độ đến muốn xin chiêm lễ.

Ông cụ nói: Sư từ nước ấy đến có mang theo kinh Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà-la-ni chăng? Chúng sanh đất nầy gây quá nhiều tội lỗi người xuất gia cũng lắm khi phạm sai lầm. Phật đỉnh thần chú là bí phương để trừ tội, nếu không mang theo kinh mà đến không thì đâu có ích lợi gì. Dù có gặp Văn-thù thì cũng không thể biết được. Sư hãy về nước lấy kinh ấy đến lưu truyền ở xứ nầy, tức là thờ khắp các thánh, lợi ích rộng chúng sanh, thừa tiếp U minh báo ân các Đức Phật. Sư mang kinh đến, đệ tử sẽ chỉ rõ nơi ở của Văn-thù.

Ba-lợi nghe vậy, cầm lòng không khỏi vui mừng, bèn quẹt khô nước mắt lạy về núi. Giây lát ngẩng đầu lên, thì cụ già đã biến mất, Ba-lợi càng kinh ngạc. Bèn trở về nước lấy được kinh, trên đường đến kinh thành sẵn dịp cầu kiến nhà vua. Thiên hoàng tặng thưởng lòng chân thành tôn sùng bí điển nầ, hạ chiếu cho làm điển khách Hồng Lô Tự, ra lệnh cho Đỗ Hành Khải và Nhật Chiếu Tam Tạng cùng dịch. Xong nhà vua đích thân tặng ba mươi xấp lụa, còn kinh giữ lại trong cung.

Ba-lợi rơi nước mắt tâu rằng: Ủy bỏ thân mạng, mục đích là lợi người. Nay cầu mong nhà vua cho lưu hành. Vua cảm mến lòng chuyên thiết, bèn giữ lại kinh trao trả bản phạn. Ba-Lợi được lại kinh rất vui mừng. Đến viếng chùaTây Minh, được người giỏi về tiếng Phạn ngữ là Thuận Trinh. Tấu xin dịch lại, vua chấp nhận. Ba-Lợi cùng với Thuận Trinh và các Đại đức phiên ra gọi là "Kinh Phật Đảnh tôn thắng Đà-La-Ni". So với bản dịch của Đỗ Linh trước kia thì chú vận văn kinh ít có dị đồng, nguyên vọng của ba-lợi đã hoàn tất, lại mang bản phạn đi vào ngũ Đãi, không ai biết về tông tích nữa, có chỗ cho rằng: Ba-lợi ẩn vào hang Kim Cương. Hiện nay, núi Vĩnh Hưng Long Thủ có nơi thời Xá-lợi Ba-Lợi. Khoảng niên hiệu Đại Lịch, Sa-môn Pháp Chiếu của Vân Phong ở Nam Nhạc đến núi Ngũ Đài lễ bái hang Kim Cương, đêm chưa tối gặp một vị tăng, phạn âm sang sảng, tự xưng là Phật-Đà-Ba-Lợi.

Hỏi rằng:

- Vì sao Sư tự khổ như thế, không mệt nhọc sao? Có tâm nguyện gì mà vui?

Đáp rằng:

- Chỉ nguyện được gặp Văn-thù. Lại nói: Nếu ý chí vững bền

không gian dối. Người có thể lột giày vớ để trên tảng đá sẽ thấy được Thánh nhan. Pháp Chiếu nhắm mắt lại, chốc lát đã vào trong hang đá, thấy một ngôi viện, đề là chùa Kim Cương Bát-nhã. Nét bút mạnh mẽ sáng ngời, viện ấy đều bằng dị bảo trang nghiêm, lầu quán nhiều lớp, phòng ốc liền nhau. Có lẽ là hai trăm ngôi. Chính giữa có kho bí mật chứa Kinh Kim Cương Bát-nhã và tất cả kinh pháp. Người vật to lớn phi thường. Đại thánh Văn-thù ngồi chỗ tôn nghiêm. Chiếu được mời vào dùng trà, xong Ba-lợi dẫn ra ngoài chiếu cầu xin ở lại. Ba Lợi không cho, sắp chia tay khuyên rằng: Hãy cố tu hành, sau nầy trở lại thì có thể ở được. Chiếu đến chỗ tảng đá thì dừng lại, Ba-lợi đã biến mất.

Hệ rằng: Theo sự giải thích của đạo thì có nhiều thuyết: hoặc ẩn chân hình mà còn giả chất, hoặc đây còn đó mất, hoặc phân thân đổi dạng coi đó là trò chơi, hay lấy đó làm lợi ích chúng sanh. Phật-Đà-Ba-Lợi ấy không mất, không chừng biến hóa vô cùng, ra hang Kim Cương quật tiếp Pháp Chiếu, là có duyên với nhau mà hiện ra, cũng như Ca-Diếp ẩn lâu trên các ngọn đồi, khi pháp Hiển đến thăm viếng, thì gặp ở dưới núi.

8. TRUYỆN TÔN PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Tôn pháp. Người Tây Ấn-Độ, tên tiếng Phạn Gia-phạn Đạt Ma, Hán dịch là Tôn pháp. Từ xa xôi vượt đá cát đến nước Trung Hoa. Có tấm lòng truyền dịch kinh Phật, nguyện vọng của vững chắc hóa đạo. Khoảng niên hiệu Vĩnh Hưng của thiên hoàng Sư dịch, Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại viên mãn Vô Ngại Đại Bi tâm Đà-La-ni, một quyển, nhưng kinh đề chỉ nêu rằng: Tây Thiên Trúc, Gia-Phạn-Đạt-Ma dịch, không ghi rõ năm tháng. Suy về gốc ngọn có thể là trong khoảng thời gian giữa hai niên hiệu Hiển Thánh và Vinh Huy, lại đúng với bài tựa của kinh Thiên Tý rằng: Trí Thông cùng với Tam Tạng nầy dịch ra, về sau không biết Sư mất ở đâu.

9. TRUYỆN VÔ CỰC CAO CHÙA TUỆ NHẬT TÂY KINH ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Vô Cực Cao, người Trung Ấn-Độ, tên Phạn là A-Địa-Cù-Đa, Hán dịch là Vô Cực Cao. Cao học hết Mãn tự, hạnh trong sạch như viên ngọc sáng, tinh luyện Ngũ Minh, khéo thông Tam Tạng. Tháng giêng niên hiệu Vĩnh Hưng năm thứ ba, Sư từ Ấn-Độ mang kinh đến Trường An, được an trí tại chùa Từ Môn, gồm mười sáu vị như Sa-môn Đại thừa Tông, mười hai vị như Anh Công Lý Thế Tích Ngạc Công uý

trì đức, cùng thỉnh Cao xây dựng đàn Đà-La-Ni phổ hội ở tại viện Phù Đồ chùa Tuệ Nhật. Điều cần thiết là ngày khánh thành, phải làm cách cho hiện ra linh dị. Tăng ni hay dân thường trong kinh thành đều thán phục là ít có, Sa-môn Huyền Khải cố thỉnh dịch cho được bản tiếng Pháp. Trong thời gian bốn năm ở chùa Tuệ Nhật. Từ trong kinh Kim Cương Đại đạo tràng Sư nắm những phần chủ yếu mà dịch, tập thành một bộ gọi là kinh Đà-La-Ni tập, gồm mười hai quyển, do Huyền Khải ghi chép, lúc ấy, có A-Nan-luật-Mộc-Xoa Sư, Ca-Diếp sư, v.v... chùa Đại Bồ-Đề thuộc trung Ấn Độ. Ở chùa kinh Hành dịch Công đức thiên pháp, ở khắp trong tập kinh quyển thứ mười nên không ấn hành riêng.

10. TRUYỆN CỰC LƯỢNG CHÙA CHẾ CHỈ Ở QUẢNG CHÂU ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Cực Lượng, người Trung Ấn-độ, tên tiếng Phạn là Bát-Thích-Mật-Đế, Hán dịch là Cực Lượng có lòng cưa mang Đạo, quán sát các nơi, tùy duyên cứu giúp chúng sanh, lần lượt đi khắp, đến nước Trung Hoa. Bèn trụ tại Đạo tràng Chế Chỉ ở Quảng Châu, dân chúng ở đây biết Sư là người truyền đạt, nên đến thỉnh cầu rất đông. Lượng lấy lợi lạc làm tâm, vì vậy mà truyền trao những điều bí yếu sâu sắc. Ngày 23 tháng 5, vào niên hiệu Thần Long năm đầu, từ trong bộ Quán Đảnh, Sư tụng ra một phẩm, tên là Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa chư Bồ-tát vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm, dịch thành một bộ gồm mười quyển. Sa-môn Di-già Thích-ca người nước Ô-trường dịch ngữ. Bồ-tát giới đệ tử, là tiền chánh nghị đại phu cùng Trung thư môn hạ Bình chương sự Thanh Hà phòng Dung ghi chép. Tuần Châu La Phù Sa-môn Hoài Địch chùa Nam Lâu ở núi La Phù, Độn Châu chứng dịch. Lượng phiên dịch truyện xong, Quốc vương hội Bản tức giận tự tiện sai người mang bản kinh ra nước ngoài, ngồi thuyền về phía Tây. Sau vì nam sứ vào kinh, nên kinh Phật được lưu truyền khắp nơi, có công lao đóng góp của Pháp sư Duy Xác, đều được sớ giải.

11. TRUYỆN THẬT XOA NẠN ĐÀ CHÙA ĐẠI BIẾN KHÔNG Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI ĐƯỜNG:

Thích Thật Xoa-Nan-Đà, còn gọi là Thi-Khất-Xoa-Nạn-Đà, Hán dịch là Học Hỷ, người nước Vu Điền, ở phía Bắc Thông lĩnh. Trí độ rộng lớn, phong cách hơn người, giỏi về Đại Tiểu thừa, lại thông dị học Thiên hậu minh dương Phật Phật rất kính trọng đạo Đại thừa, vì Kinh Hoa Nghiêm ban cựu dịch xứ hội chưa đủ, nghe nước Vu-điền có bản

phạn, vua bèn sai sứ đến cầu kinh bản và thỉnh người phiên dịch. Sư cùng với kinh tiếng Phạn đồng đến với hoàng cung. Vào năm Ất Mùi thuộc niên hiệu Chứng Thánh năm đầu, tại chùa Đại Biện Không trong cung phiên dịch, Thiên hậu đích thân đến Pháp tọa viết bài tựa sáng ngời, còn tự cầm bút đề tên cho tên phẩm nầy "Nam Ấn Độ Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chí, Sa-môn Nghĩa Tịnh đồng tuyên phạn bản". Sau nầy giao cho Sa-môn Phục lễ Pháp tạng v.v... Tại chùa Phật Thọ Ký dịch thành mười tám quyển. Vào niên hiệu Thánh Lịch năm thứ hai hoàn tất thành, bốn năm sau, Vua đích thân đến cung Tam Dương ỡ Dĩnh Xuyên ban chiếu cho Sư dịch Kinh Đại thừa Nhập Lăng-già. Thiên hậu lại soạn bài tựa. Tại chùa Thanh Thiền ở Kinh Đô và chùa Phật Thọ ký ở Đông Đô. Sư dịch Văn-thù thọ ký v.v... Trước sau gồm mười chín bộ. Sa-môn Ba Luân Huyền quỹ ghi chép. Sa-môn phục lễ chuốt văn. Sa-môn Pháp Bảo, Hằng Cảnh v.v... chứng nghĩa. Thái tử Trung Xá Giả ưng phước giám hộ. Niên hiệu Trường An năm thứ tư, Sư lấy cớ mẹ già yếu muốn về quê thăm nom, vua truyền lệnh cho Ngự sử Hoắc Từ Quang đưa về tới Vu-điền. Sau nầy, Hòa Đế Long Hưng có ban sắc trưng dụng lại. Niên hiệu Cảnh Long năm thứ hai, Sư đến kinh thành. Nhà vua đích thân ra đón ngoài cửa ngỏ. Tăng ni, dân chúng khắp kinh thành đều chuẩn bị cờ xí dẫn đường, lại trang điểm con voi xanh cho cỡi vào thành, được an trí tại chùa Đại Tiến phước. Chưa kịp vào việc phiên dịch đã bị mắc bệnh bán thân bất toại, nhập diệt vào ngày 12 tháng 10, nhằm niên hiệu Cảnh Vân năm đầu, thọ năm mươi chín tuổi. Y theo tập tục cử hành pháp táng. Ngày 12 tháng 11, hỏa thiêu tại đài Cổ Nhiên đăng, củi hết lửa tàn, còn lại cái lưỡi, ngày 23 12, môn nhân là Bi Trí cùng sắc sứ Ca Thư Đạo nguyên, đưa di hài và chiếc lưỡi nầy trở về Vu-điền, xây tháp cúng dường, người đời sau tại chỗ Trà-tỳ lại xây tháp bảy tầng, tục gọi là Hoa nghiêm Tam tạng tháp.

12. TRUYỆN NHẬT CHIẾU CHÙA QUẢNG PHƯỚC Ở KINH THÀNH TÂY AN ĐỜI CHU (951 - 959).

Thích Địa-Bà-Kha-La, Hán dịch là Nhật Chiếu. Người Trung Ấn-độ, Thông rõ tám tạng, hiểu rộng năm Minh. Giới hạnh cao kỳ, học nghiệp siêng năng. Chú thuật rất giỏi. Thời Thiên Hoàng, Sư đến nước nầy. Tháng 5 niên hiệu Nghi Phụng năm thứ 4, Sư dâng biểu xin dịch các kinh đã mang đến, nhà vua chấp nhận cho xếp vào đội ngũ của Huyền Trang, được đặt tại trí tại một ngôi chùa lớn với ba mươi lăm vị Đại đức cùng dịch tại chùa Thái Nguyên và chùa Quảng Phước. Dịch

kinh Đại thừa Hiển Thức Luận, Đại thừa ngũ Uẩn, gồm mười tám bộ, Sa-môn Chiếu-Đà, Bát-nhã Đề-Bà dịch ngữ. Sa-môn Tuệ Trí chứng tiếng Phạn, vua ban sắc cho các danh đức giúp sức, cho việc pháp hoá. Sa-môn Đạo Thành, Bạc Trần Gia, Thượng Viên Trắc, Linh Biện Minh, Tuần Hoài độ chứng nghĩa. Sa-môn Tư Huyền, phục lễ chuốt văn, ghi chép. Thiên Hậu đích thân ban bố lời tựa ở đầu. Sư cùng giác hộ dịch Phật đỉnh, thể nhận sâu sắc tiếng Hán đời Đường, khéo truyền ý Phật. Mỗi khi tiếng dâng nhiều kinh mới được thưởng rất hậu. Sau Sư qua đời tại căn phòng nhỏ dịch kinh, thọ bảy nươi lăm tuổi, Thiên Hậu ban sắc cho an táng tại Hương Sơn thuộc Long môn, ngoại thành Lạc Dương, tháp hiện nay vẫn còn.

13. TRUYỆN THIÊN TRÍ CHÙA NGỤY QUỐC ĐÔNG Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI CHU:

Thích Đề-Vân-Bát-nhã, hoặc là Đề-Vân-Đà-nhã-Na, Hán dịchlà Thiên Trí, người nước Vu-Điền, học thông đại tiểu, hiểu cả Chân tục, Chú thuật thiền Môn đều thông hiểu. Vào niên hiệu Thủy xương năm đầu Sư đến đây, yết kiến Thiên Hậu tại Lạc dương, cho trụ tại chùa Quốc Đông phiên dịch. Một năm sau dịch ra Luận Hoa Nghiêm Kinh Pháp giới Vô Sai Biện v.v... gồm sáu bộ bảy quyển. Sa-môn Xử Nhất ghi chép, Sa-môn Phục Lễ chuốt văn, Sa-môn Đức Cảm, Tuệ Nghiễm, Pháp Minh, Hằng Cảnh v.v... chứng nghĩa. Sư mất năm nào và ở đâu không rõ.

14. TRUYỆN TUỆ TRÍ CHÙA PHẬT THỌ KÝ LẠC Ở KINH THÀNH DƯƠNG ĐỜI CHU:

Thích Tuệ Trí, cha là người Ấn-Độ, thuộc giòng dõi Bà-La-Môn, vì làm sứ đi đến đây mà sanh ra Sư. Sư còn nhỏ đã tính cần, có chí xuất gia. Thời Thiên Hoàng, Sư theo vị tăng Trường Niên Bà-la-môn, vị nầy vâng sắc được độ làm đệ tử. Gốc là người Phạm nên rất rành về tiếng Thiên Trúc, sanh tại Trung Hoa vào Đường, lại luyện thêm tiếng nói ở đây. Tam Tạng Địa-Bà-ha-la, Đề-Vân-nhã Na, Bảo Tư Duy, v.v... tất cả sách đã phiên dịch đều mời Trí làm chứng, kiêm độ tiếng với nhau. Niên hiệu Trường Thọ năm thứ hai, tại chùa Phật thọ ký ở Đông Đô, Sư tự dịch Quán Thế Âm Tụng, một quyển, không rõ về sau sách nầy ở đâu. Có Sa-môn Minh Thuyên, không biết người ở đâu, xuất gia học tập đều tại chùa Phật Thọ Ký, rất giỏi tỳ-ni và các Kinh Luận, vào niên hiệu Thiên sách vạn tuế năm thứ nhất, vua ban sắc lệnh sửa chữa mục

lục các kinh, Sư chuyên trách soạn lục, có những nghi vấn thì giữ lại, cùng với hai mươi mấy vị đại đức, cùng nhau tham khảo đính chính, đặt tên là Đại Chu Kinh Lục. Trí Thăng nói: Tuy sửa chữa có nhiều chỗ sai lệch, nhưng đã được lưu hành, thật khó lấy gì làm chuẩn mực, cho nên bộ lục nầy có nhiều kinh rời phẩm riêng, lộn xộn không giống nhau, khiến cho Trí Thăng phải cắt bỏ.

15. TRUYỆN TỊCH HỮU Ở KINH THÀNH LẠC DƯƠNG ĐỜI CHU:

Thích Di-đà Sơn, Hán dịch là Tịch Hữu, người nước Đổ-Hóa-La, xuất gia từ thuở nhỏ, du hành các vùng Ấn-Độ, học khắp các kinh luận, Lăng-già, Câu-Xá rất thông suốt. Chí truyền tượng pháp, không ngại các vùng xa xôi hẻo lánh, vẫn chống gậy đi tới. Sư cùng Thật-Xoa-Nan- Đà cùng dịch Kinh Đại Thừa Nhập Lăng-già. Lại trong niên hiệu Thiên Thụ Sư và Sa-môn Pháp Tạng, v.v... dịch Kinh Vô Cấu Tịnh Quang Đà- La-Ni, một quyển, kinh nầy Phật nói cho Bà-la-môn Kiếp-tỳ-la Chiến- Độ nghe, để kéo dài thọ mạng, dịch xong dâng vào cung và từ giã nhà vua về quê. Thiên Hậu tặng lễ rất hậu để đưa tiễn.